

Bản án số: 494/2019/HS-PT
Ngày: 05-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Thắng

Các Thẩm phán:

1. Ông Phan Văn Liệt
2. Ông Lê Công Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Phượng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 433/2019/HSPT ngày 30 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Thị A do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 141/2019/HS-ST ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị A, giới tính: Nữ; Sinh năm 1995 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: không có; chỗ ở: 45 A1, phường A2, Quận A3, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: biết đọc, biết viết; Nghề nghiệp: không; Con ông Nguyễn Căn C và bà Võ Thị C1; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa:

Luật sư X, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, làm việc tại Công ty Luật TNHH X bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị A (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/3/2016, Nguyễn Thị A gặp một người phụ nữ tên T (không rõ lai lịch), T nói với A là T có một số giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe

của một số người phụ nữ, A chụp hình thẻ 3cm x 4cm đưa cho T để T dán vào các giấy tờ trên cho A mang đi cầm lấy tiền chia nhau tiêu xài thì A đồng ý. Đến ngày 29/3/2016, A mang 02 tấm hình 3cm x 4cm đưa cho T tại bến xe buýt phường A2, Quận 12 rồi khoảng 30 phút sau thì T quay lại đưa cho A 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Mai Xuân P, sinh năm 1989 nhưng lại dán hình của Nguyễn Thị A. Sau khi có giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mang tên Mai Xuân P thì đến ngày 01/4/2016, A đi đến cửa hàng Đ tại địa chỉ 260 – 262 – 264 N, phường A2, Quận A3 gặp anh Lê Văn D, A sử dụng giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe mang tên Mai Xuân P có dán ảnh của Nguyễn Thị A và ký hợp đồng vay số tiền 6.391.000 đồng của Công ty H để mua 01 điện thoại di động hiệu Samsung A3-2016 với giá 6.190.000 đồng và phí bảo hiểm là 201.000 đồng, theo hình thức trả góp trong vòng 06 tháng (kể từ ngày 01/4/2016 đến ngày 01/10/2016). Sau khi có điện thoại di động thì Nguyễn Thị A mang điện thoại bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch được 4.100.000 đồng và A mới trả góp cho Công ty H 01 tháng với số tiền 1.145.000 đồng thì không trả tiền nữa.

Vào ngày 08/4/2016, với cách thức tương tự, Nguyễn Thị A được T đưa 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị Minh E, sinh năm 1990 có dán ảnh của Nguyễn Thị A. Sau đó, A mang giấy tờ này đến cửa hàng Đ tại địa chỉ 1 Bis đường K, phường K1, Quận A3, gặp anh Phạm Trần L ký hợp đồng vay số tiền 6.391.000 đồng của Công ty H để mua 01 điện thoại di động hiệu Samsung A3-2016 với giá 6.190.000 đồng và phí bảo hiểm là 201.000 đồng, theo hình thức trả góp trong vòng 06 tháng (kể từ ngày 08/4/2016 đến ngày 08/10/2016). Sau khi mua điện thoại, A bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch được 4.200.000 đồng, nhưng A không thực hiện trả góp theo hợp đồng.

Tiếp đến ngày 22/4/2016, cũng với cách thức như trên, Nguyễn Thị A được T đưa 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1992 có dán ảnh của Nguyễn Thị A. Sau đó, Nguyễn Thị A mang giấy tờ này đến cửa hàng Đ tại địa chỉ 244 Đ1, phường Đ2, Quận A3, gặp chị Lê Thị Kiều M ký hợp đồng vay số tiền 6.391.000 đồng của Công ty H để mua 01 điện thoại di động hiệu Samsung A3-2016 với giá 6.190.000 đồng và phí bảo hiểm là 201.000 đồng, theo hình thức trả góp trong vòng 06 tháng (kể từ ngày 08/4/2016 đến ngày 08/10/2016). Sau khi mua điện thoại, A bán điện thoại cho một người phụ nữ không rõ lai lịch được 4.000.000 đồng, nhưng A không thực hiện trả góp theo hợp đồng.

Tổng số tiền mà Nguyễn Thị A đã chiếm đoạt của Công ty H tổng cộng là 19.173.000 đồng.

Theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 141/2019/HS-ST ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và phạm tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm a khoản 2 Điều 340; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Nguyễn Thị A 01 (một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”; tổng hợp hình phạt buộc Nguyễn Thị A phải chấp hành hình phạt chung của hai tội 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi Tòa án xét xử sơ thẩm, đến ngày 04/9/2019 bị cáo Nguyễn Thị A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xem xét lại tội danh “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Thị A khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung bản án sơ thẩm đã thể hiện, đồng thời giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xem xét lại tội danh “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: sau khi phân tích hành vi của bị cáo theo nội dung của bản án sơ thẩm, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Nguyễn Thị A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 174 và điểm a khoản 2 Điều 340 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư X bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị A cho rằng: về việc áp dụng pháp luật, bị cáo phạm tội vào năm 2016 nhưng cấp sơ thẩm áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là chưa phù hợp nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án hình sự sơ thẩm để truy tố, xét xử lại đối với bị cáo theo điều khoản của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Đồng thời, Luật sư cũng trình bày rằng nếu Hội đồng xét xử phúc thẩm không đồng ý hủy bản án sơ thẩm thì đề nghị xem xét về việc bị cáo Nguyễn Thị A không phạm tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức” vì bị cáo chỉ có hành vi sử dụng chứ không có hành vi sửa chữa các giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức và Luật sư cũng nêu thêm về tình tiết giảm nhẹ là bị cáo A vừa mới sinh con nhỏ

được hơn 10 ngày để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng việc áp dụng pháp luật của cấp sơ thẩm là đúng quy định và hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành của tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức” nên giữ nguyên quan điểm. Về phía Luật sư cũng bảo lưu quan điểm bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nguyễn Thị A đã 03 lần (vào các ngày 27/3/2016, ngày 08/4/2016 và ngày 22/4/2016) đưa ảnh 3cm x 4cm của mình cho một đối tượng tên T (không rõ lai lịch) để T thay ảnh của Nguyễn Thị A vào giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mang tên 03 người khác, sau đó A nhận lại giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe rồi thực hiện các hành vi vi phạm, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất, vào ngày 27/3/2016, Nguyễn Thị A nhận lại giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe mang tên Mai Xuân P nhưng lại dán hình của Nguyễn Thị A và A đã sử dụng giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe này đến ký hợp đồng vay số tiền 6.391.000 đồng của Công ty H để mua 01 điện thoại di động hiệu Samsung A3-2016.

Lần thứ hai, vào ngày 08/4/2019, Nguyễn Thị A nhận lại giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị Minh E nhưng lại dán hình của Nguyễn Thị A và A đã sử dụng giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe này đến ký hợp đồng vay số tiền 6.391.000 đồng của Công ty H để mua 01 điện thoại di động hiệu Samsung A3-2016.

Lần thứ ba, vào ngày 22/4/2016, Nguyễn Thị A nhận lại giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị Cẩm T nhưng lại dán hình của Nguyễn Thị A và A đã sử dụng giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe này đến ký hợp đồng vay số tiền 6.391.000 đồng của Công ty H để mua 01 điện thoại di động hiệu Samsung A3-2016.

Tổng cộng số tiền Nguyễn Thị A đã chiếm đoạt của Công ty H 03 lần như đã nêu ở trên là 19.173.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bị cáo Nguyễn Thị A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và phạm tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

[2] Ngày 21/8/2019, Tòa án xét xử sơ thẩm, đến ngày 04/9/2019 bị cáo Nguyễn Thị A làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin xem xét lại tội danh “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Xét thấy, đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định nên hợp lệ.

[3] Xét nội dung kháng cáo:

Vào năm 2016, bị cáo Nguyễn Thị A đã 03 lần đưa ảnh 3cm x 4cm của mình cho một người phụ nữ tên T (không rõ lai lịch) để thay ảnh của Nguyễn Thị A vào trong các giấy chứng minh nhân dân và các giấy phép lái xe mang tên người khác, nhưng hình ảnh là của bị cáo, sau đó chính bị cáo A nhận lại và sử dụng các giấy chứng minh nhân dân, các giấy phép lái xe giả này đến Công ty H ký 03 hợp đồng vay tiền rồi chiếm đoạt với tổng số tiền là 19.173.000 đồng. Như vậy, các hành vi nêu trên của Nguyễn Thị A đã xâm phạm 02 khách thể được Luật Hình sự bảo vệ, đó là: xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc cấp Giấy chứng minh nhân dân, cấp Giấy phép lái xe và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác.

Tại phiên tòa, bị cáo cho rằng bị cáo không có hành vi sửa chữa các giấy chứng minh nhân dân, các giấy phép lái xe nên đề nghị xem xét lại tội danh “Sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Xét thấy, lời trình bày trên là không có cơ sở vì chính bị cáo đã 03 lần cung cấp hình ảnh 3cm x 4cm của mình cho đối tượng T thay ảnh vào các giấy chứng minh nhân dân, các giấy phép lái xe, sau khi T sửa chữa xong thì bị cáo là người nhận lại các giấy chứng minh nhân dân, các giấy phép lái xe có hình ảnh của bị cáo mang tên người khác, rồi tiếp sau đó chính bị cáo đã sử dụng các giấy tờ giả này để ký 03 hợp đồng rồi chiếm đoạt tiền như đã nêu ở trên. Do đó, với hành vi đưa ảnh của mình để thay thế hình ảnh trong các giấy chứng minh nhân dân, các giấy phép lái xe và sau đó sử dụng giấy tờ giả này lừa dối người khác, hành vi này của bị cáo đã góp phần gây ra vấn nạn lớn về giấy tờ giả trong xã hội hiện nay, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, ảnh hưởng xấu đến việc quản lý của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên bị cáo phạm tội “Sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Như vậy, với các hành vi nêu trên của Nguyễn Thị A thì có cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị A phạm tội “Sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan, tổ chức” và phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đối với ý kiến của Luật sư X cho rằng bị cáo phạm tội vào năm 2016 nhưng cấp sơ thẩm lại xét xử bị cáo theo quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là chưa đúng. Xét thấy, bị cáo Nguyễn Thị A phạm tội vào năm 2016, do đó cần áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để xử lý hình sự đối với bị cáo. Nhưng qua so sánh mức hình phạt quy định tại các điều luật tương ứng của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 với các điều luật tương ứng của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, và nếu hình phạt quy định tại các điều luật tương ứng trong Bộ luật Hình sự năm 2015 có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng. Trong trường hợp của bị cáo Nguyễn Thị A, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các điều luật tương ứng tại Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử bị cáo vẫn chưa có lợi cho bị cáo. Và bị

cáo phạm tội vào năm 2016 nên cần áp dụng các điều khoản tương ứng của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để xử lý hình sự đối với bị cáo, đồng thời Tòa án cấp phúc thẩm sẽ điều chỉnh lại các điều luật tương ứng với hành vi phạm tội như đã nêu ở trên theo Bộ luật Hình sự năm 1999.

Các hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc cấp Giấy chứng minh nhân dân, cấp Giấy phép lái xe và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện nên cần có hình phạt nghiêm đối với bị cáo, tương xứng với tính chất, mức độ các hành vi phạm tội của bị cáo. Nhưng khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét đến hành vi phạm tội, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trong tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”: bị cáo Nguyễn Thị A đã thực hiện hành vi phạm tội 03 lần, là tình tiết tăng nặng “*phạm tội 02 lần trở lên*” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tình tiết tăng nặng này thì Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ: bản thân bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tình tiết giảm nhẹ này cũng được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị A trình bày bản thân bị cáo vừa mới sinh con nhỏ hơn 10 ngày (sinh ngày 24/10/2019). Xét thấy, bản thân bị cáo có học vấn thấp (chỉ biết đọc, biết viết) và vừa mới sinh con nhỏ hơn 10 ngày tuổi, nên thiết nghĩ cần áp dụng tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Nhưng đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bản thân bị cáo là người thực hành hành vi và là người chiếm đoạt tiền của bị hại, nên không có cơ sở để giảm mức hình phạt cho bị cáo đối với tội này. Riêng đối với tội “Sử dụng, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan, tổ chức”, bị cáo chỉ là người cung cấp ảnh để người khác thay thế ảnh vào giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe và sau đó bị cáo là người sử dụng các giấy tờ giả này, nên xét về vai trò thì cần giảm một phần hình phạt cho bị cáo về tội này.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 266 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị A và sửa bản án sơ thẩm.

Xử phạt: Nguyễn Thị A 01 (một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 (hai) năm tù về tội “Sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc Nguyễn Thị A phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo không phải nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận 12; (1)
- P.PC 53 – CA TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- Người bào chữa; (1)
- Thi hành án Quận 12; (2)
- TAND Quận 12; (2)
- Công an Quận 12; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, Hồ sơ (22). (5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Ngọc Thắng